

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HS-ST

Ngày: 11/01/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Trần Thị Ngọc Hương

2/ Bà Trần Thị Như Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Vui

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 763/2020/HSST ngày 20/11/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6456/2020/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **NCC** (còn gọi là C rồng); giới tính: Nam; sinh ngày: 15/6/1970, tại Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: Số 411, lô F, cư xá TĐ, Phường A, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: 140/66/18 đường BQ, Phường A, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: VN; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; đảng phái: Không; trình độ học vấn: 06/12; nghề nghiệp: Không; con ông NCH năm 1931 và bà NTT sinh năm 1938; anh chị em: Có 10 người; vợ: LKO, sinh năm 1970 (đã ly hôn) và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 15/5/1997 (Bản án số 791/ST), Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có (đã xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/8/2020 đến ngày 16/10/2020. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Những người tham gia tố tụng:

+ Bị hại: Ông NHB (vắng mặt).

Địa chỉ: 23/41G NT, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông NQM, sinh năm 1967 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 140/66/18 đường BQ, Phường A, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông NTN, sinh năm 1974 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 140/66/18 đường BQ, Phường A, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông NQĐ, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 140/20/32 đường BQ, Phường A, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông HSQ, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 5/62/7 NTL, Phường X, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Người làm chứng: Ông TDT, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: 369/20 LHP, Phường T, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19h ngày 23/06/2011, NTN (còn gọi là N) gọi điện thoại cho HSQ (tức Q điện) và DVL đến bên xe Miền Đông cùng với NQM, NCC (tức C rồng, anh trai N) và NQĐ tìm Th (tức Th đen, chưa rõ nhân thân lai lịch) để đánh. Do trước đó Th có mâu thuẫn với NCC. Khi nhóm gặp Th gây sự thì Th bỏ chạy. Lúc này có ông LTKD (tức T điện) - nhân viên cơ khí Công ty HL đến khuyên ngăn nên đã bị N và đồng bọn nhảy vào đánh. Thấy vậy, ông NHB (sinh 1968, trú tại 23/41G NT, phường B, quận C, TP.Hồ Chí Minh), nhân viên Công ty HL chạy đến can ngăn và đỡ ông LTKD dậy. NTN, NQM, HSQ, NCC và NQĐ nhảy vào dùng tay, chân đánh đấm ông NHB; DVL lấy gậy sắt (dài khoảng 60cm, gồm ba khúc, mỗi khúc dài 20cm) đánh vào người và đầu ông B, NCC dùng tay không đánh vào người ông B. Sau khi ông B bị đánh ngã xuống đất, M và Q dùng ghế nhựa và ly nước của quán bên cạnh ném vào người ông B, rồi cả nhóm bỏ đi. Ông NHB được người dân đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện nhân dân GD.

Tại bản Kết luận giám định số 1337 ngày 03/7/2013 của Phân viện khoa học hình sự - Bộ Công an tại TP.Hồ Chí Minh kết luận: Sẹo về thương thái dương phải ở vùng có tóc che khuất tỉ lệ thương tật được tính là 04%; sẹo vết thương phần mềm trán phải, nhỏ không ảnh hưởng đến thẩm mỹ và chức năng tỉ lệ thương tật được tính là 03%; sẹo vết thương gò má chủ yếu ảnh hưởng đến thẩm mỹ tỉ lệ thương tật được tính là 15%. Áp dụng luật cộng lùi tại thời điểm giám định ông NHB có tỉ lệ thương tật là 20,8%.

Ngày 17/7/2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành xét xử các bị cáo NTN, HSQ, DVL, NQM, NQĐ về tội danh “Cố ý gây thương tích” theo quy định khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 (Bản án hình sự sơ thẩm số 241/2017/HSST).

Riêng đối với NCC sau khi gây án đã bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan điều tra đã khởi tố bị can và truy nã theo quy định. Ngày 20/8/2020, NCC đến Cơ quan cảnh sát điều tra đầu thú và khai nhận hành vi cùng đồng phạm đánh ông NHB. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của đồng phạm, người làm chứng, phù hợp với diễn biến nội dung vụ án.

* *Vật chứng thu giữ trong vụ án và xử lý vật chứng*: Đã được xử lý tại Bản án hình sự sơ thẩm số 241/2017/HSST ngày 17/7/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

* *Về trách nhiệm dân sự*: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày 17/7/2017, ông NHB không yêu cầu bồi thường và không yêu cầu truy tố trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa hôm nay, ông NHB đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt.

Căn cứ Bộ luật hình sự năm 2015, Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và các văn bản hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao về áp dụng một số tình tiết có lợi cho bị can, bị cáo nên bản Cáo trạng số 78/CT-VKS-P2 ngày 17/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo NCC tội “Cố ý gây thương tích”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

1. Quá trình xét hỏi công khai và thẩm tra các tài liệu, chứng cứ có liên quan trong vụ án:

Bị cáo NCC thừa nhận đã thực hiện hành vi đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố.

2. Phân tranh luận:

2.1 Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm luận tội: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo NCC thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thừa nhận hành vi phạm tội của mình, đã tự nguyện ra đầu thú, bị hại cũng có đơn xin bãi nại cho bị cáo. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng d khoản 2 Điều 134, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 tuyên phạt bị cáo NCC từ 02 năm đến 03 năm tù giam.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

2.2 Bị cáo không tranh luận với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

3. Phân bị cáo nói lời nói sau cùng:

Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt đối với hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã rất ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và trình bày của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo có mặt; bị hại là ông NHB, người làm chứng là ông TDT đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin vắng mặt. Xét thấy, tại cơ quan điều tra những người này đều đã có lời khai, nội dung vụ án đã được làm rõ, về trách nhiệm dân sự không có yêu cầu nên việc xét xử vắng mặt những người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[3] Qua lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan và phù hợp với các vật chứng thu giữ, cùng các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 19 giờ ngày 23/6/2011, NCC đã cùng NTN, DVL, HSQ, NQM, NQĐ đi đến khu vực bên xe Miền Đông tìm cách đánh Th đen để giải quyết mâu thuẫn từ trước. Khi đến nơi, Th đen bỏ chạy. Thấy vậy, ông NHB can ngăn thì bị NTN, NQM, HSQ, NCC và NQĐ nhảy vào dùng tay, chân đánh đấm ông NHB; DVL lấy gậy sắt (dài khoảng 60cm, gồm ba khúc, mỗi khúc dài 20cm) đánh vào người và đầu ông B, NCC dùng tay không đánh vào người ông B. Sau khi ông B bị đánh ngã xuống đất, M và Q dùng ghế nhựa và ly nước của quán bên cạnh ném vào người ông B, rồi cả nhóm bỏ đi gây hậu quả làm ông B bị thương tích và tổn hại đến sức khỏe, tỷ lệ 20,8 % theo Kết luận giám định số 1337 ngày 03/7/2013 của Phân viện khoa học hình sự - Bộ Công an tại TP.Hồ Chí Minh.

Khi thực hiện hành vi như đã nhận định ở trên, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của cá nhân, xâm phạm đến an ninh trật tự xã hội.

Từ các căn cứ trên, có đủ cơ sở để xác định hành vi của bị cáo NCC đã phạm tội “Cố ý gây thương tích”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hành vi của bị cáo thực hiện vào ngày 23/6/2011, đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 có khung hình phạt từ hai năm đến bảy năm tù. Xét thấy tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 có khung hình phạt từ 02 năm tù đến 06 năm tù là nhẹ hơn khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Vì vậy, căn cứ Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định truy tố bị cáo NCC về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là theo hướng có lợi cho bị cáo là có cơ sở, đúng pháp luật, đúng người, đúng tội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện đầu thú, tự nguyện nộp số tiền 10.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị hại đã có đơn xin bãi nại không yêu cầu bồi thường và đề nghị khoan hồng cho bị cáo, nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Từ những nhận định trên, căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử cần áp dụng mức hình phạt phù hợp đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận bị cáo NCC tự nguyện nộp số tiền 10.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại cho bị hại (Theo Biên lai thu tiền số AA/2019/0093303 ngày 18/12/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh). Người bị hại đã có đơn bãi nại, không yêu cầu bồi thường về trách nhiệm dân sự.

[6] Về hành vi của các đối tượng có liên quan trong vụ án.

Ngày 17/7/2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành xét xử các bị cáo NTN, HSQ, DVL, NQM, NQĐ về tội danh “Cố ý gây thương tích” theo quy định khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 (Bản án hình sự sơ thẩm số 241/2017/HSST).

[7] Về án phí.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố:

Bị cáo NCC phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo NCC 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt để thi hành án, nhưng có trừ đi thời hạn tạm giam, tạm giữ từ ngày 20/8/2020 đến ngày 16/10/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo NCC tự nguyện nộp số tiền 10.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại cho bị hại (Theo Biên lai thu tiền số AA/2019/0093303 ngày 18/12/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh). Người bị hại đã có đơn bãi nại, không yêu cầu bồi thường về trách nhiệm dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo NCC phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

4. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Trại giam;
- Phòng THA-HS;
- Phòng PC 53-CATP.HCM;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Sở tư pháp;
- Lưu: Hình sự; Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Đức Toàn